TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN** Bản án số: 01/2026/DS - ST Ngày 25- 02-2026 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Vận và bà Lý Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐ-TA ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm 1973, cư trú tại: Số nhà ** đường P, khối **, phường K, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 034173******; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vi Văn C, sinh năm 1967, cư trú tại: Thôn C, xã L, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 02067******; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1974, cư trú tại: Số ** đường L, P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020174******; vắng mặt.

2. Ông Nông Văn L, sinh năm 1974, cư trú tại: Số nhà ** đường P, khối **, phường K, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020075******; vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1967; căn cước công dân số 020167******; vắng mặt.

4. Anh Vi Minh T, sinh năm 1992; căn cước công dân số 020092******; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2025, cùng những lời khai tiếp theo và tại phiên toà nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Vi Văn C có quan hệ quen biết nhau trong làm ăn, kinh doanh. Bà biết ông Vi Văn C là người kinh doanh xưởng gạch. Ngày 08/3/2021, ông Vi Văn C có gọi điện thoại cho bà hỏi vay bà 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ông Vi Văn C nói là vay để đáo nợ ngân hàng, hẹn ngày hôm sau (09/3/2021) ông Vi Văn C được Ngân hàng giải ngân cho vay thì sẽ trả bà luôn. Bà đồng ý cho ông Vi Văn C vay số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Do bà không đủ tiền nên chỉ đưa tiền mặt cho ông Vi Văn C được 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), còn 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) bà nhờ bạn là bà Hoàng Thị N1 chuyển khoản vào tài khoản cho ông Vi Văn C. Số tiền bà cho ông Vi Văn C vay là tài sản chung của bà và chồng là ông Nông Văn L. Khi bà cho ông Vi Văn C vay số tiền là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) thì ông Nông Văn L biết và đồng ý cho vay.

Do ông Vi Văn C đã không trả nợ đúng hẹn cho bà vào ngày 09/3/2021 nên ngày 27/01/2022 ông Vi Văn C viết cho bà mấy dòng chữ nhận nợ và hứa sẽ trả đủ vào quý 2 của năm 2022. Tuy nhiên, ông Vi Văn C vẫn không trả được nợ cho bà theo như đã hẹn. Đến ngày 04/02/2023, ông Vi Văn C ký biên bản nhận nợ với bà số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và hẹn tiếp sẽ trả đủ cho bà vào tháng 7/2023. Ông Vi Văn C cam kết sẽ bán quyền sử dụng đất thuộc thửa số 42 tờ bản đồ 77, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để trả nợ vay tiền cho bà. Nhưng đến bây giờ, ông Vi Văn C vẫn không trả nợ cho bà được số tiền nào.

Nay, nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N yêu cầu bị đơn ông Vi Văn C trả cho bà số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Bà không yêu cầu ông Vi Văn C trả tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả từ ngày 09/3/2021 đến ngày mở phiên toà xét xử vụ án này. Về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả từ ngày mở phiên toà xét xử, bà đề nghị giải quyết theo quy định. Về án phí: Đề nghị giải quyết án phí theo quy định.

Tại những lời khai trong hồ sơ, bị đơn ông Vi Văn C chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N và trình bày như sau:

Năm 2021, ông Vi Văn C có vay bà Phan Thị Hồng N số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Đây là khoản vay riêng của ông Vi Văn C, không liên quan đến ai. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông Vi Văn C chưa trả được tiền cho bà Phan Thị Hồng N. Ông Vi Văn Chí đồng ý trả 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc cho bà Phan Thị Hồng N và mong muốn bà Phan Thị Hồng N không yêu cầu ông trả tiền lãi.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1 và ông Nông Văn L cùng ý kiến, yêu cầu với nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N và trình bày như sau:

Bà Hoàng Thị N1 là bạn của bà Phan Thị Hồng N, giúp bà Phan Thị Hồng N chuyển tiền cho ông Vi Văn C bằng tài khoản của bà Hoàng Thị N1 là

1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Bà đã được bà Phan Thị Hồng N trả lại số tiền này nên không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Ông Nông Văn L là chồng của bà Phan Thị Hồng N xác định số tiền cho ông Vi Văn C vay nợ là tài sản chung vợ chồng. Ông đồng ý với yêu cầu của bà Phan Thị Hồng N là buộc ông Vi Văn C trả tiền đã vay cho bà Phan Thị Hồng N là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ông không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L1, anh Vi Minh T không tham gia tố tụng, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Tại Công văn số: 671/CV-CAX ngày 22/12/2025 của Công an xã L V/v xác minh và cung cấp tài liệu, chứng cứ như sau: Ông Vi Văn C, sinh năm 1967, có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã L, tỉnh Lạng Sơn; thực tế thường xuyên sinh sống tại khu C, xã L, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và những người liên quan về phía bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N. Buộc bị đơn ông Vi Văn C phải trả cho bà Phan Thị Hồng N số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và chịu lãi suất chậm trả theo quy định. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Vi Văn C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L1, anh Vi Văn T không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1, ông Nông Văn L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn ông Vi Văn C cư trú tại thôn C, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về Hợp đồng vay tài sản thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 27/01/2022 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/02/2023 như sau:

[3.1] Về chủ thể xác lập hợp đồng: Người xác lập hợp đồng là nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N và bị đơn ông Vi Văn C đều là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và năng lực hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về hình thức của hợp đồng: Giấy nhận nợ ngày 27/01/2022 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/02/2023 là giấy viết tay, tuy không qua công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự về Hợp đồng vay tài sản.

[3.3] Về nội dung của hợp đồng: Giấy nhận nợ ngày 27/01/2022 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/02/2023 thể hiện bị đơn ông Vi Văn Chí vay nợ nguyên đơn số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Tại bản tự khai ngày 23/01/2026, bị đơn ông Vi Văn C thừa nhận nợ nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và chưa trả được khoản tiền nào. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền ông Vi Văn C nợ bà Phan Thị Hồng N là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

[3.4] Về lãi suất: Tại Giấy nhận nợ ngày 27/01/2022 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/02/2023, các bên có thoả thuận thời hạn trả nợ nhưng không có nội dung thoả thuận về lãi suất.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định thoả thuận của nguyên đơn và bị đơn tại Giấy nhận nợ ngày 27/01/2022 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/02/2023 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất. Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N không yêu cầu ông Vi Văn C phải trả lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc từ ngày chậm trả đến ngày mở phiên toà, mà chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất chậm trả tính từ ngày mở phiên toà xét xử. Bị đơn ông Vi Văn C đồng ý trả nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) cho nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N nhưng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không tham gia phiên toà. Như vậy, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bị đơn ông Vi Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N số tiền đã vay là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ngoài ra, bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 158, 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn ông Vi Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 27/01/2022 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/02/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bị đơn ông Vi Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 51.000.000 đồng (năm mươi mốt triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001007 ngày 19/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Lạng Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5- Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang